

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 18/9/2020

*V/v Yêu cầu tuyên bố không công
nhận quan hệ vợ chồng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Dương Chiêu Hùng.
- **Các Hội thẩm nhân dân:**
 - 1/ Ông Triệu Khánh Long
 - 2/ Bà Nguyễn Huỳnh Hoa
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Anh Đô - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị D - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 196/2020/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 7 năm 2020, về việc “Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18/8/2020; Thông báo dời phiên tòa số 15/2020/TB-TA ngày 03/9/2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Phan Thị D**, sinh năm 1994; (có mặt)
Địa chỉ: Khóm T, phường H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.
- **Bị đơn:** Anh **Lê Hoàng K**, sinh năm 1994; (có mặt)
Địa chỉ: Khóm T, phường H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/6/2020 (BL01); biên bản lấy lời khai ngày 24/7/2020 (BL16) cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị D trình bày: Vào năm 2015 chị Phan Thị D và anh Lê Hoàng K có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau lễ cưới chị D về làm dâu sống bên nhà chồng tại địa chỉ: Khóm T, phường H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu chị D và anh K chung sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng dần phát hiện cả hai không cùng quan điểm sống nên thường xảy ra mâu thuẫn với nhau, tuy sống chung một nhà nhưng gặp mặt là cãi vã với nhau, nên đến tháng 11/2019 thì chị D và anh K đã không còn chung sống với nhau cho đến nay. Trong khoảng thời gian chung sống với nhau chị D và anh K chưa có con chung. Về tài sản chung, nợ chung không có.

Nay chị Phan Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ chung sống giữa chị Phan Thị D và anh Lê Hoàng K là vợ chồng. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh K, nhưng anh K không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị D, đồng thời anh K cũng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ. Tại phiên tòa hôm nay anh K trình bày là thống nhất theo ý kiến của nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đối với bị đơn còn vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn không công nhận mối quan hệ chung sống giữa chị D và anh K là vợ chồng. Về con chung, tài sản chung, nợ chung, không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/6/2020 chị Phan Thị D yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận mối quan hệ chung sống giữa chị Phan Thị D và anh Lê Hoàng K có nơi cư trú tại khóm T, phường H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng là vợ chồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu về quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn chị Phan Thị D và bị đơn anh Lê Hoàng K thấy rằng: Chị D và anh K chung sống với nhau từ năm 2015, nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”. Chị D và anh K sống với nhau từ năm 2015 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn, nên theo quy định nêu trên thì pháp luật không công nhận chị D và anh K là vợ chồng. Tại phiên tòa anh K trình bày là thống nhất theo yêu cầu của chị D. Đồng thời, theo như nhận định tại phần mối quan hệ hôn nhân nêu trên thì giữa chị D và anh K không được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ chung sống giữa chị D và anh K là vợ chồng.

[3] Về con chung: Các đương sự khẳng định không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự khẳng định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Các đương sự khẳng định nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị D đối với bị đơn anh Lê Hoàng K.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phan Thị D và anh Lê Hoàng K.

- Về con chung: Các đương sự khẳng định không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Các đương sự khẳng định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự khẳng định nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Chị Phan Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai số 0003946, ngày 06/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị D đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí. Anh Lê Hoàng K không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm

2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã VC;
- Đường sự;
- Chi cục THADS thị xã VC;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Dương Chiêu Hùng